

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **194/2019/DS-PT**

Ngày 11 - 11 - 2019

*V/v Yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất và
thực hiện nghĩa vụ chậm trả tiền trong
hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Bà Nguyễn Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2019/TLPT-DS, ngày 27/8/2019 về việc “*Yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ chậm trả tiền trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2019/DS-ST, ngày 05/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 219/2019/QĐ-PT ngày 02/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 174/2019/QĐ-TA ngày 18/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương K; địa chỉ: Đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay: Ấp M, xã P, huyện L1, tỉnh Đồng Nai; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đặng Ngọc H – Văn phòng Luật sư N, Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: Đường A, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tiên D; địa chỉ: Tổ liên gia C, tổ dân phố F, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đỗ Anh T2; địa chỉ: Liên gia X, Buôn U, xã R, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 25/10/2019); Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đỗ Thị Hoài T3; địa chỉ: Tổ liên gia C, tổ dân phố F, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà Thu: Ông Đỗ Anh T2; địa chỉ: Liên gia X, Buôn U, xã R, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 25/10/2019); Có mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị Kim L; Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Trương K (Văn bản ủy quyền ngày 02/7/2019); Có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện L1, tỉnh Đồng Nai.

3.3. Ông Trương Quốc P1; địa chỉ: Chung cư S, đường I, khu phố Y, phường C1, quận Đ1, Thành phố Hồ Chí Minh; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.4. Bà Trương Kiều T4; địa chỉ: Đường P2, Phường A1, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.5. Ông Trương Quốc D1; địa chỉ: Đường S1, phường Q, quận P3, Thành phố Hồ Chí Minh; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Tiến D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trương K trình bày:

Tháng 8/2017, vợ chồng ông Trương K có chuyển nhượng cho gia đình ông Nguyễn Tiến D một thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 899887 do UBND thành phố B cấp ngày 30/6/2014, thửa đất số 266 (Được tách từ thửa số 25 theo trích lục bản đồ địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B cấp ngày 17/10/2017), tờ bản đồ số 116, diện tích 548,1m², tọa lạc tại phường E, thành phố B; trên đất có 01 căn nhà theo biên bản xem xét, thẩm định và định giá tài sản ngày 31/5/2018. Hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng là 3.033.000.000 đồng. Ngày 19/8/2017, hai bên lập giấy đặt cọc, ông D đặt cọc số tiền 108.000.000 đồng cho ông K, số tiền còn lại 2.925.000.000 đồng ông D hẹn 02 tháng sau sẽ trả đủ.

Ngày 18/10/2017 hai bên ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng Đ2. Tuy nhiên, để giảm số tiền nộp thuế, hai bên thống nhất giá chuyển nhượng ghi trên hợp đồng là 150.000.000 đồng. Ngay sau

đó, ông D đã chuyển khoản cho ông K 1.500.000.000 đồng, số tiền còn lại 1.425.000.000 đồng ông D hẹn sẽ trả đủ khi nào hoàn tất thủ tục sang tên cho ông D. Ngay ngày hôm đó, ông D và bà T3 đã nhận nhà và đất tại địa chỉ trên.

Ông K đã thực hiện các thủ tục sang tên cho ông D theo đúng quy định, ông K đã nộp đủ thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ liên quan đến việc chuyển nhượng lô đất trên. Sau đó, ông K thông báo cho ông D để ông D thanh toán số tiền 1.425.000.000 đồng còn lại cho ông K để ông K đi lấy GCNQSDĐ về và hoàn tất việc mua bán, nhưng ông D vẫn tránh né là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông K.

Sau khi nhận nhà và đất, ông D và bà T3 đã cho con trai xây dựng và mua máy sản xuất cán tôn tại địa chỉ này.

Ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Tiến D và bà Đỗ Thị Hoài T3 phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng; thanh toán cho ông K, bà L số tiền 1.425.000.000 đồng còn lại và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 12/12/2017; thanh toán 2.093.776 tiền thuế, tiền lệ phí đóng thay ông D và tiền chi phí giám định chữ ký. Sau khi ông D, bà T3 thanh toán xong số tiền trên cho ông K thì ông mới trả lại GCNQSDĐ số CL 221582, thửa đất số 266, tờ bản đồ số 116, diện tích 548,1m² cho ông D.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Tiến D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Hoài T3 trình bày:

Ông Nguyễn Tiến D có mua nhà và đất tại đường M1, phường E, thành phố B của gia đình ông Trương K, sau đó tiến hành đặt cọc để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng Đ2. Hai bên đã thực hiện việc giao nhận tiền và nhà đất như trong Hợp đồng CNQSDĐ nên ông D và bà T3 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L (Vợ ông Trương K) trình bày: Bà L thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Quốc P1, bà Trương Kiều T4, ông Trương Quốc D1 trình bày: Các ông bà là con của ông Trương K và bà Nguyễn Thị Kim L, ông bà xác định không liên quan đến vụ án vì đây là tài sản riêng bố mẹ, các ông bà không đóng góp gì vào khối tài sản này nên xin từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2019/DS-ST ngày 05/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 226, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 117, 353, 357, 501, 502, 503 của Bộ luật dân sự 2015;

khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương K.

Tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trương K, bà Nguyễn Thị Kim L với ông Nguyễn Tiến D, bà Đỗ Thị Hoài T3. Buộc ông Nguyễn Tiến D và bà Đỗ Thị Hoài T3 phải trả cho ông Trương K và bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 1.649.437.000 đồng, trong đó gồm 1.425.000.000 đồng tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa thanh toán và 224.437.000 đồng tiền lãi suất; 2.093.776 đồng tiền thuế, tiền lệ phí ông Trương K đã đóng thay ông Nguyễn Tiến D.

Sau khi ông Nguyễn Tiến D và bà Đỗ Thị Hoài T3 thanh toán xong số tiền trên cho ông Trương K thì ông K có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 221582 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 12/12/2017, thửa đất số 266, tờ bản đồ số 116, diện tích 548,1m² cho ông Nguyễn Tiến D và bà Đỗ Thị Hoài T3.

Áp dụng khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi có đơn yêu cầu thi hành án.

- Về án phí: Ông Nguyễn Tiến D và bà Đỗ Thị Hoài T3 phải chịu 61.483.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trương K 27.375.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004928 ngày 26/12/2017 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003069 ngày 12/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

- Về chi phí giám định: Ông Nguyễn Tiến D và bà Đỗ Thị Hoài T3 phải chịu 5.040.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Ông Trương K được nhận lại số tiền này khi thu được từ ông Nguyễn Tiến D và bà Đỗ Thị Hoài T3.

- Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: Ông Trương K tự nguyện chịu số tiền 2.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản theo phiếu thu số 53 ngày 16/5/2018 (Đã chi xong tại Tòa án).

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 18/7/2019, bị đơn ông Nguyễn Tiến D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các bên đều thống nhất về việc tiếp tục thực hiện hợp đồng và chỉ tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 – Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tiến D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 05/7/2019, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/7/2019, bị đơn ông Nguyễn Tiến D kháng cáo và có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp pháp nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Tiến D, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận giữa ông Trương K, bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Tiến D có thỏa thuận về việc chuyển nhượng thửa đất số 266, tờ bản đồ số 116, diện tích 548,1m² tại phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk với giá 3.033.000.000 đồng; các bên đã làm hợp đồng đặt cọc ngày 19/8/2017 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/10/2017. Như vậy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trương K và ông Nguyễn Tiến D và giá chuyển nhượng đã được các bên thừa nhận thì được xem là chứng cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bên cũng đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng nên cần ghi nhận việc tự nguyện của các đương sự.

Xét việc ông Trương K khởi kiện yêu cầu thanh toán cho ông K, bà L số tiền 1.425.000.000 đồng còn lại và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 12/12/2017; thanh toán 2.093.776 đồng tiền thuế, tiền lệ phí đóng thay ông D. Cùng với lời khai của mình thì ông K xuất trình chứng cứ chứng minh việc vợ chồng ông D, bà T3 thanh toán 02 lần, cụ thể: Ngày 19/8/2017 (ngày đặt cọc) là 108.000.000 đồng; ông K thừa nhận ngày 18/10/2017 (ngày giao kết hợp đồng chuyển nhượng) thanh toán 1.500.000.000 đồng, còn nợ lại 1.425.000.000 đồng.

Ông D và bà T3 khẳng định đã thanh toán đủ số tiền chuyển nhượng 3.033.000.000 đồng; tuy nhiên lời khai này của ông D, bà T3 lại không được nguyên đơn ông Trương K thừa nhận; đồng thời phía ông D, bà T3 cũng không có chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình về việc đã thanh toán xong.

Tại biên bản đối chất ngày 11/10/2019, ông K cho rằng ông D mới thanh toán 02 lần (lần đầu 108.000.000 đồng, lần hai 1.500.000.000 đồng), ông K cho rằng đối với việc trả tiền lần thứ hai ông có ghi nhận vào mặt sau của hợp đồng đặt cọc (bản do ông D giữ). Phía ông D lại cho rằng bản hợp đồng đặt cọc này

ông đã hủy bỏ vì hợp đồng chuyển nhượng đã hoàn tất. Hội đồng xét xử thấy rằng lời khai này của ông D là thiếu căn cứ và không phù hợp với thực tế khách quan, bởi lẽ mặc dù đã ra công chứng nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông K đang giữ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc ông D, bà T3 cho rằng đã thanh toán xong cho ông K nhưng lại không xuất trình được chứng cứ chứng minh, và nghĩa vụ chứng minh này thuộc về ông D, bà T3. Vì vậy, ông D, bà T3 phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được.

Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Việc bản án sơ thẩm tuyên về lãi suất khi thi hành án là: “*Áp dụng khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi có đơn yêu cầu thi hành án*” là chưa đầy đủ theo quy định tại Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, nên cần rút kinh nghiệm và cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho đầy đủ.

[4] Về chi phí giám định: Ông Nguyễn Tiến D và bà Đỗ Thị Hoài T3 phải chịu 5.040.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Ông Trương K được nhận lại số tiền này khi thu được từ ông Nguyễn Tiến D và bà Đỗ Thị Hoài T3.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: Ông Trương K tự nguyện chịu số tiền 2.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản theo phiếu thu số 53 ngày 16/5/2018 (Đã chi xong tại Tòa án).

[6] Về án phí:

[6.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tiến D và bà Đỗ Thị Hoài T3 phải chịu 61.483.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trương K 27.375.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004928 ngày 26/12/2017 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003069 ngày 12/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

[6.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Tiến D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 226, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 117, 353, 357, 501, 502, 503 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tiến D - Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2019/DS-ST ngày 05/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương K.

Tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trương K, bà Nguyễn Thị Kim L với ông Nguyễn Tiến D, bà Đỗ Thị Hoài T3 đối với thửa đất số 266, tờ bản đồ số 116, diện tích 548,1 m² tại phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Buộc ông Nguyễn Tiến D và bà Đỗ Thị Hoài T3 phải trả cho ông Trương K và bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 1.649.437.000 đồng, trong đó gồm 1.425.000.000 đồng tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa thanh toán và 224.437.000 đồng tiền lãi suất; 2.093.776 đồng tiền thuế, tiền lệ phí ông Trương K đã đóng thay ông Nguyễn Tiến D.

Sau khi ông Nguyễn Tiến D và bà Đỗ Thị Hoài T3 thanh toán xong số tiền trên cho ông Trương K thì ông K có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 221582 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 12/12/2017, thửa đất số 266, tờ bản đồ số 116, diện tích 548,1m² cho ông Nguyễn Tiến D và bà Đỗ Thị Hoài T3.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, các bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp có quy định khác.

[3] Về chi phí giám định: Ông Nguyễn Tiến D và bà Đỗ Thị Hoài T3 phải chịu 5.040.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

Ông Trương K được nhận lại số tiền này khi thu được từ ông Nguyễn Tiến D và bà Đỗ Thị Hoài T3.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: Ông Trương K tự nguyện chịu số tiền 2.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản theo phiếu thu số 53 ngày 16/5/2018 (Đã chi xong tại Tòa án).

[5] Về án phí:

[5.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tiến D và bà Đỗ Thị Hoài T3 phải chịu 61.483.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trương K 27.375.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004928 ngày 26/12/2017 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003069 ngày 12/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

[5.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Tiến D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014087 và 0014088 cùng ngày 15/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn